

Bản án số: 261/2026/HS-ST  
Ngày: 28/7/2026

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Đức Lâm

Ông Nguyễn Công Tân

**Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thư ký TAND Khu vực 2 - Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**Đại diện VKSND Khu vực 2 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thị T - Kiểm sát viên.

Ngày 28/7/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 237/2026//TLST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 253/2026/QĐXXST-HS ngày 14/7/2026 đối với:

Bị cáo: Nguyễn Văn L; Sinh ngày 10/8/1997;

Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam.

Nơi cư trú: thôn H, xã H, tỉnh Bắc Ninh.

CCCD: 024097008222

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không;

Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 05/12.

Con ông: Nguyễn Văn L1, sinh năm 1973.

Con bà: Nguyễn Thị Q, sinh năm 1975.

Vợ, con: chưa có.

Anh chị em ruột: bị can là con duy nhất trong gia đình.

Tiền án: Bản án số 316/2023/HS-ST ngày 16/11/2023, Tòa án nhân dân Quận N, thành phố Hà Nội (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4- Hà Nội) xử phạt L 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. L chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/11/2024.

Tiền sự, nhân thân: không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/4/2026; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2- Công an tỉnh B. (có mặt)

**\* Bị hại:**

1. Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1989

Nơi thường trú: thôn L (nay là thôn L), xã H, tỉnh Bắc Ninh. (vắng mặt)

2. Anh Đinh Văn P, sinh năm 1979

Nơi thường trú: thôn N (nay là thôn H), xã H, tỉnh Bắc Ninh. (vắng mặt)

**\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1976

Nơi thường trú: thôn V (nay là thôn V), xã H, tỉnh Bắc Ninh. (vắng mặt)

2. Cháu Nguyễn Thành T2, sinh năm 2011

Nơi thường trú: thôn L (nay là thôn L), xã H, tỉnh Bắc Ninh. (vắng mặt)

Đại diện theo pháp luật của cháu T2. Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1982

Nơi thường trú: thôn L (nay là thôn L), xã H, tỉnh Bắc Ninh

**\*Người làm chứng:**

1. Anh Đào Văn T3, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Nơi thường trú: thôn Hưng Đạo, xã Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Ninh

2. Chị Lê Thị T4, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Nơi thường trú: thôn N (nay là thôn H), xã H, tỉnh Bắc Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn L, sinh ngày 10/8/1997, trú tại thôn H, xã H, tỉnh Bắc Ninh là người đang có 01 tiền án, không có việc làm ổn định. Trong các ngày 09/4/2026 và 10/4/2026, L đã một mình thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Buổi chiều ngày 09/4/2026, L cưỡi trâu, mặc quần ngò bò màu xanh, đi dép màu đen đi bộ đến thôn L, xã H, tỉnh Bắc Ninh tìm người nào để tài sản sơ hở thì trộm cắp. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, L đi bộ đến cổng nhà anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1989, thấy cánh cổng mở, bên trong khu vực cửa nhà có kê nhiều thiết bị đồ điện lạnh cũ nhưng không có ai trông coi. L đi vào trong cửa nhà, dùng tay xách trộm 02 cuộn dây điện (trong đó 01 cuộn dây điện màu vàng, loại dây 02 lõi đồng, nhãn hiệu “Trần Phú”, trọng lượng 5kg, chiều dài 75m, chưa qua sử dụng và 01 cuộn dây điện màu xám, loại dây 3 lõi đồng to, nhãn hiệu “Kangjin”, trọng lượng 13kg, chiều dài 91m, chưa qua sử dụng) đang để trên thềm nhà rồi bỏ đi khỏi nhà anh H. Tiếp đó, L đem hai cuộn dây điện trộm cắp được của anh H ra khu vực nghĩa trang của thôn L, xã H, tỉnh Bắc Ninh cất giấu để tìm cách tiêu thụ rồi bỏ đi khỏi nghĩa trang. Khoảng 17 giờ cùng ngày, L đang đi bộ trên đường thì gặp cháu Nguyễn Thành T2, sinh năm 2011, trú tại thôn L, xã H, tỉnh Bắc Ninh điều khiển xe đạp điện nên đi

nhờ đến **nghĩa trang T6**. Khi đến nghĩa trang, **L** lấy 02 cuộn dây điện trộm cấp cho vào trong bao tải dứa màu trắng nhặt được ở rìa đường rồi đem để trên bệ để chân xe đạp điện của cháu **T2**. Lúc này cháu **T2** hỏi **L** về nguồn gốc của dây điện, thì **L** mắng “hỏi ít thôi”, không nói cho biết là tài sản trộm cắp, nên cháu **T2** không bảo gì. Sau đó, **L** điều khiển xe đạp điện chở cháu **T2** cùng bao tải đựng 02 cuộn dây điện trộm cấp của anh **H** đi tới cửa hàng mua bán phế liệu của anh **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1976, ở **thôn V, xã H, tỉnh Bắc Ninh** để bán. Tại đây, **L** nói với anh **T1** hai cuộn dây điện đem bán là tài sản của **L** rồi bán cho anh **T1** lấy tổng số tiền 1.300.000 đồng. Tiếp đó, **L** điều khiển xe đạp điện chở cháu **T2** đi đến **thôn L, xã H, tỉnh Bắc Ninh** thì đỗ xe lại, trả xe cho cháu **T2** đồng thời tự cho cháu **T2** 50.000 đồng rồi **L** bỏ đi ăn tiêu hết số tiền bán tài sản trộm cắp.

Vụ thứ hai: Buổi đêm ngày 10/4/2026, **L** mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, không nhớ biển kiểm soát của một người nam giới mới quen, không biết họ tên, địa chỉ đang chơi game tại một quán Internet chỉ nhớ ở khu vực **cầu C, xã K, tỉnh Thái Nguyên** rồi điều khiển đi trộm cắp tài sản của người khác nhưng không nói cho người này biết. Khoảng 23 giờ cùng ngày 10/4/2026, **L** đi xe mô tô tới bờ kênh cánh đồng thuộc địa phận **thôn N, xã H, tỉnh Bắc Ninh**, phát hiện 01 con trâu cái, có 02 sừng dài và cong đều (dài khoảng 40 - 50 cm), lông màu đen, dây chạc xỏ qua mũi buộc vào cọc ở cạnh bờ kênh, là tài sản của anh **Đình Văn P**, sinh năm 1979, trú tại **thôn N, xã H, tỉnh Bắc Ninh**, xung quanh không có người trông coi. **L** đỗ xe mô tô lại, dùng tay tháo dây chạc buộc con Trâu khỏi cọc. Tiếp đó, **L** một tay điều khiển xe mô tô, một tay cầm dây chạc dắt trộm con trâu bỏ đi để tìm nơi tiêu thụ. Khi **L** dắt trộm con trâu của anh **P** đi đến đoạn **đường V**, thuộc địa phận **thôn H, xã H, tỉnh Bắc Ninh**, chưa bán được cho ai thì gặp anh **Đào Văn T3**, sinh năm 1976, trú tại **thôn H, xã H, tỉnh Bắc Ninh** đi đến. Anh **T3** nghi ngờ **L** trộm cắp trâu của người khác nên hỏi **L** nguồn gốc con trâu. Thấy vậy, **L** nói với anh **T3** con trâu là tài sản của **L**. Anh **T3** không tin lời **L** nói và bảo **L** chứng minh nguồn gốc con trâu là tài sản của **L**, đồng thời dùng điện thoại quay video lại hình ảnh **L** cùng con trâu. Lúc này, sợ hành vi trộm cắp tài sản bị phát hiện, **L** đã bỏ lại con trâu rồi điều khiển xe mô tô bỏ đi. Anh **T3** gọi điện hỏi chị **Lê Thị T4**, sinh năm 1977, trú tại **thôn N, xã H, tỉnh Bắc Ninh** là người nuôi trâu kiểm tra xem có bị mất trộm trâu không nhưng không bị mất trộm. Chị **T4** biết anh **P** cùng là người nuôi trâu kinh doanh nên gọi điện hỏi anh **Phúc kiểm T5** xem có bị mất trộm trâu không. Sau đó, anh **Phúc kiểm T5** con trâu buộc ở bờ kênh thì phát hiện bị mất trộm. Anh **P** đi đến chỗ anh **T3** đang giữ con trâu do **L** bỏ lại thì xác định chính là con trâu đã bị trộm cắp.

Ngày 18/4/2026, anh **Đình Văn P**, anh **Nguyễn Xuân H** trình báo **Công an xã H** về việc bị mất trộm tài sản nêu trên.

Cùng ngày 18/4/2026, **Công an xã H** tiến hành thu giữ được tại camera an ninh lắp đặt tại nhà anh **H** và cửa hàng của anh **T1** toàn bộ hình ảnh video ghi lại việc **L** trộm cắp 02 cuộn dây điện của anh **H** và hình ảnh **L** đi xe đạp điện cùng cháu **T2** vào cửa hàng của anh **T1** bán cuộn dây điện trộm cắp; thu giữ được trong điện thoại di

động của anh T3 video ghi lại việc L cùng con trâu trộm cắp của anh P khi anh T3 hỏi về nguồn gốc trâu, đồng thời thu giữ của anh T1 hai cuộn dây điện L đem bán nêu trên. Tiếp đó, Công an xã H đã tiếp nhận của anh P con trâu bị L trộm cắp, tiến hành cân xác định có trọng lượng 410kg rồi bàn giao cho anh P chăm sóc.

Ngày 19/4/2026, Nguyễn Văn L đến Công an xã H, tỉnh Bắc Ninh đầu thú về hành vi trộm cắp 02 cuộn dây điện của anh H và 01 con trâu của anh P vào các ngày nêu trên. Sau đó, Công an xã H đã bàn giao L cùng vật chứng, tài liệu có liên quan đến Cơ quan điều tra Công an tỉnh B để điều tra theo thẩm quyền.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS ngày 24/4/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân xã H định giá và kết luận: thời điểm ngày 09/4/2026 tài sản của anh H bị trộm cắp gồm: 01 (một) cuộn dây điện màu vàng, loại dây 02 lõi đồng, nhãn hiệu “Trần Phú”, trọng lượng 5kg, chiều dài 75m, chưa qua sử dụng có trị giá 1.050.000 đồng; 01 (một) cuộn dây điện màu xám, loại dây 3 lõi đồng to, nhãn hiệu “Kangjin” trọng lượng 13kg, chiều dài 91m, chưa qua sử dụng có trị giá 2.457.000 đồng. Tại thời điểm ngày 10/4/2026, 01 con trâu, giống cái, màu lông đen, sừng dài, trọng lượng 410kg của anh P bị trộm cắp có trị giá 31.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 122/CT-VKS- KV2 ngày 03/7/2026 của Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Bắc Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Lâm ra trước Toà án nhân dân Khu vực 2 - Bắc Ninh để xét xử về tội: “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà: bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố là đúng, không oan, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai và vi phạm pháp luật.

Bị hại và một số người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà. Hội đồng xét xử công bố lời khai của họ. Bị cáo không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Bắc Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

**\*Về trách nhiệm hình sự:** Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 01 năm 09 tháng tù đến 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/4/2023 về tội “Trộm cắp tài sản”.

**\* Về trách nhiệm dân sự:** buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn T1 số tiền 1.300.000 đồng.

**\* Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015, điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm.

Bị cáo không có ý kiến đối đáp với bản luận tội của Kiểm sát viên;

Lời nói sau cùng: bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Bắc Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình Điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình Điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bị hại là anh H và anh P; vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và vắng mặt người làm chứng nhưng những người này đã có lời khai tại Cơ quan điều tra. Việc vắng mặt của bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự là có căn cứ.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đã gây ra. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Văn L là người đang có 01 tiền án, không có việc làm ổn định. Trong các ngày 09/4/2026 và 10/4/2026, L đã một mình thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 09/4/2026, Nguyễn Văn L có hành vi lén lút đột nhập vào nhà anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1989, ở thôn L, xã H, tỉnh Bắc Ninh rồi trộm cắp được của anh H1 02 cuộn dây điện chưa qua sử dụng (01 cuộn nhãn hiệu “Trần Phú”, 01 cuộn nhãn hiệu “Kangjin”) có tổng trị giá 3.507.000 đồng, đang để tại thêm nhà. Sau đó, L mang cuộn dây điện trộm cắp bán cho anh Nguyễn Văn T1 được 1.300.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 23 giờ ngày 10/4/2026, tại bờ kênh cánh đồng thuộc địa phận thôn N, xã H, tỉnh Bắc Ninh; Nguyễn Văn L lén lút dắt trộm 01 con trâu, giống cái, màu lông đen, sừng dài, trọng lượng 410kg, trị giá 31.000.000 đồng là tài sản của anh Đinh Văn P, sinh năm 1979, trú tại thôn N, xã H, tỉnh Bắc Ninh. Trên đường dắt con trâu trộm cắp đi bán, L bị người dân phát hiện nên bỏ lại trên đường. Sau đó, L đầu thú hành vi phạm tội với Công an.

Tổng trị giá tài sản L trộm cắp được trong hai vụ là 34.507.000 đồng. Cơ quan điều tra đã thu giữ được tài sản bị trộm cắp để trả lại các bị hại.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do vậy, Cáo trạng số 122/CT-VKS – KV2 ngày 03/7/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Bắc Ninh truy tố bị cáo về tội danh và Điều luật như trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Xét tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng để có tiền tiêu xài, sinh sống bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến an ninh trật tự xã hội và quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng lúc sơ hở của người khác để ý lén lút lấy tài sản của họ. Hành vi của bị cáo không chỉ gây thiệt hại về mặt vật chất cho nạn nhân mà còn làm suy giảm niềm tin của xã hội vào sự an toàn và trật tự. Từ đánh giá nêu trên, HĐXX xét thấy, cần phải áp dụng Điều 38 BLHS để cách ly bị cáo **Nguyễn Văn L** ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục riêng và phòng ngừa chung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Khu vực 2 - Bắc Ninh là có căn cứ. Tuy nhiên, khi lượng hình cần đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ khi lượng hình cho bị cáo là cần thiết. Hiện bị cáo **Nguyễn Văn L** đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 02 - **Công an tỉnh B** nên Hội đồng xét xử xét thấy cần phải tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo cho việc thi hành án là có căn cứ.

[5]. Xét về nhân thân, tiền án, tiền sự của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã Tòa án nhân dân **Quận N, thành phố Hà Nội** (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4- Hà Nội) xử phạt 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt ngày 14/11/2024.

[6]. Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần, đã bị kết án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái Phạm” quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra, truy tố, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội ra đầu thú, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[7]. Về vật chứng của vụ án:

+ Đối với 01 xe mô tô **L** dùng đi trộm cắp, **L** khai đã trả lại người thanh niên không biết họ tên, địa chỉ cho mượn trước đó và số tiền bán tài sản có được bị cáo và cháu **T2** đã chi tiêu cá nhân hết nên Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không có căn cứ để xử lý.

+ Đối với 02 cuộn dây điện bị cáo đã trộm của anh **Nguyễn Xuân H** cơ quan điều tra trả lại cho anh **H** là có căn cứ.

+ Đối với 01 con trâu bị cáo trộm của anh **Đinh Văn P**, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh **Đinh Văn P** là có căn cứ.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra truy tố đến nay, anh **H** và anh **P** đã được trả lại toàn bộ tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng không xem xét xử lý là có căn cứ.

Đối với yêu cầu của anh **Nguyễn Văn T1** yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 1.300.000đồng Hội đồng xét xử xét thấy: bị cáo đã có hành vi gian dối khi bán 02 cuộn dây điện cho anh **T1** để lấy số tiền 1.300.000đồng. Vì vậy, bị cáo phải có trách nhiệm trả lại cho anh **Nguyễn Văn T1** số tiền 1.300.000đồng là có căn cứ.

[9]. Về hình phạt bổ sung: bị cáo không có công ăn việc làm, ổn định, không có tài sản riêng. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là có căn cứ.

[10]. Vấn đề khác:

Đối với cháu **Nguyễn Thành T2** là người cho **L** mượn xe đạp điện chở cháu **T2** và dây điện trộm cắp được đem đi bán và anh **Nguyễn Văn T1** là người mua dây điện của **L** nhưng cả hai đều không biết đây là tài sản do **L** trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý đối với cháu **Nguyễn Thành T2** và anh **Nguyễn Văn T1** là có căn cứ.

[11] Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo **Nguyễn Văn L** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ.

Ngoài ra, cần áp dụng Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự để tuyên quyền kháng cáo.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 329 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn L** 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/4/2026.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo **Nguyễn Văn L** có trách nhiệm hoàn trả cho anh **Nguyễn Văn T1** số tiền 1.300.000 đồng (*Một triệu ba trăm nghìn đồng*).

Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 332, 333 BLTTHS 2015

Bị cáo có mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo thủ tục tố tụng hình sự.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bắc Ninh
- VKSND tỉnh Bắc Ninh
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bắc Ninh
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Bắc Ninh
- VKSND Khu vực 2 - Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Hoàng Thị Hương Lan**